

V/v: Thư mời chào giá cung cấp vật tư

Kính gửi: Các nhà cung cấp có quan tâm

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP đang có nhu cầu mua sắm vật tư phụ và các vật tư khác có liên quan.

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP kính mời Quý Công ty tham gia chào giá với nội dung như sau:

I. Yêu cầu về hàng hóa

1. Thông tin về vật tư cần mua:

- Tên đơn hàng: Mua sắm vật tư vật tư phụ và các vật tư khác có liên quan.
- Chi tiết Đơn hàng (như bảng chi tiết đính kèm):

Lưu ý: Trong quá trình chuẩn bị báo giá, nhà cung cấp phải khảo sát kỹ thông số kỹ thuật, tình trạng thiết bị của đơn hàng nhằm đảm bảo tính tương thích về môi trường, điều kiện vận hành, chất lượng hàng hóa phù hợp nhu cầu, đảm bảo hiệu quả sử dụng tại nhà máy

2. Nội dung Hồ sơ chào giá:

a. Yêu cầu về thương mại:

- Đơn giá, tổng giá trị phải được chào bằng VNĐ và được hiểu là giá giao tại kho bên mua và đã bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có) theo quy định của Nhà nước. Chào giá (ghi đầy đủ hãng/nước sản xuất).

- Phương pháp đánh giá Bán chào giá (BCG) là: Chào toàn bộ hàng hóa theo thư mời, tiêu chí đánh giá về giá áp dụng theo đơn giá thấp nhất.

- Địa điểm giao hàng: kho vật tư của Công ty tại Tổ 4, khu 4A, P.Cẩm Thịnh, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá tối thiểu là 30 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp báo giá được ghi trong bản yêu cầu.

- Thời gian giao hàng: Mục số 64 giao hàng trong vòng 40 ngày các mục còn lại giao hàng trong vòng 20 ngày tính từ khi hợp đồng được hai bên ký kết

- Thời gian bảo hành: Mục số 64,73,82,85 bảo hành 06 tháng tính từ ngày kiểm nghiệm hàng hóa.

- Thời gian thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản qua Ngân hàng trong vòng 30 ngày sau khi bên B bàn giao đầy đủ hàng hóa, đạt yêu cầu kỹ thuật và có đủ chứng từ thanh toán cho bên A.

b. Yêu cầu về hàng hóa

- Hàng hóa phải mới 100%, chưa qua sử dụng, đúng quy cách, ký mã hiệu, đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật. Hàng hóa, vật tư cung cấp phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, hợp pháp, có giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng sản phẩm khi giao hàng. Với mục hàng số 12,13,64 Cấp CO, CQ đối với hàng nhập khẩu cấp CQ đối với hàng trong nước, Mục số 52,82 cấp giấy kiểm định, Các mục hàng còn lại cấp Cam kết nguồn gốc xuất xứ và chất lượng hàng hóa. Riêng các mục hàng có đơn giá từ 20 triệu trở lên hoặc tổng giá trị sau thuế từ 50 triệu trở lên: đối với hàng hóa sản xuất trong nước cấp CQ của nhà sản xuất, đối với hàng nhập khẩu cấp CO, CQ. CO do đơn vị có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp cho đơn vị nhập khẩu tại Việt Nam, nếu số lượng và số mục trên CO, CQ bằng với số lượng của hợp đồng thì phải cấp bản gốc, CO,CQ kèm theo bản công chứng dịch thuật tiếng Việt.

- Trường hợp nhà thầu đề xuất hàng tương đương thì nhà thầu phải cung cấp tài liệu bao gồm: Catalogue/tài liệu kỹ thuật hoặc các tài liệu tương đương khác (có đóng dấu xác nhận của nhà sản xuất) của hàng hóa do nhà thầu đề xuất, Catalogue/tài liệu kỹ thuật phải có



đầy đủ thông tin về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa. Văn bản của nhà sản xuất (Có đóng dấu xác nhận của nhà sản xuất) khẳng định và cam kết hàng hóa do nhà thầu đề xuất tương đương về đặc tính, thông số kỹ thuật. Trường hợp Catalogue/tài liệu kỹ thuật hoặc các tài liệu khác của nhà sản xuất do nhà thầu cung cấp không được viết bằng tiếng Việt thì nhà thầu phải gửi kèm bản dịch sang tiếng Việt có chứng thực. Trường hợp nhà thầu không cung cấp các tài liệu theo quy định (hoặc không bổ sung được theo yêu cầu của bên mời thầu hoặc cung cấp các tài liệu không được viết bằng tiếng Việt mà không gửi kèm dịch sang tiếng Việt (hoặc không bổ sung được theo yêu cầu của Bên mời thầu) Thì hàng hóa tương đương do nhà thầu đề xuất được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật.)

- Bên mua có quyền mua một, một số hoặc tất cả các chủng loại vật tư thuộc Đơn hàng trên.

- Hàng hóa được sản xuất từ năm 2023 trở lại đây.

- Nhà cung cấp chào giá cho toàn bộ hàng hóa theo thư mời.

II. Hình thức tham gia và thời gian chào giá

1. Hình thức chào giá

- Đơn vị tham gia chào giá cung cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký thành lập doanh nghiệp (bản công chứng); Giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng kinh doanh có điều kiện (nếu có).

Bản chào giá phải do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký thay phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của nhà cung cấp kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao nhiệm vụ hoặc văn bản tương đương.

- BCG (theo biểu mẫu đính kèm)

- Hình thức báo giá: ghi rõ nội dung: **Bản chào giá theo thư mời số 548/NĐCP-KHĐTVT ngày 28/06/2024**, gửi thư chuyển phát nhanh hoặc nộp trực tiếp về địa chỉ như sau:

Địa chỉ nhận bản chào giá:

- Phòng Kế hoạch-Đầu tư-Vật tư - Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV.

- Địa chỉ: Tổ 4, khu 4A, phường Cẩm Thịnh, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Cán bộ phụ trách: Đinh Thị Phong Lan; Điện thoại: 0775346899

- Email: dinhlan3001@gmail.com

- Thời gian nhận bản chào giá chậm nhất vào 10 giờ 00 ngày 04/07/2024.

- Thời gian và địa điểm mở bản chào giá vào lúc vào 10 giờ 30 ngày 04/07/2024 tại trụ sở Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV.

- Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP mời các nhà cung cấp đã nộp BCG chứng kiến và xác nhận việc mở BCG, tuy nhiên trong mọi trường hợp việc mở BCG vẫn được tiến hành vào thời gian đã được quy định trong Thư mời chào giá mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của các nhà cung cấp.

- Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả -TKV rất mong được sự hợp tác của quý đơn vị.

Trân trọng./.

ƯNK

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (B/c)
- Trang Web TKV (đăng tải);
- Trang Web ĐLTKV (đăng tải);
- Tổ tư vấn LCNCC;
- Phòng KH-ĐT-VT;
- Lưu Văn thư, ĐTPL(1).

KT.GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Vũ Hoàng Lân

Bảng kê chi tiết đơn hàng
(Đính kèm thư mời chào giá số **548** /NĐCP-KHĐTVT ngày **28** tháng **06** năm 2024)

STT	Tên vật tư	Quy cách – Thông số kỹ thuật	Hãng/ nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1.	Bản lề lá Inox 304	KT: 5x3,5cm		Cái	20	
2.	Bản lề lá Inox 304	KT: 6x5,0cm		Cái	20	
3.	Bản lề thủy lực	King door close (tay cơ thủy lực King NK520)		Cái	13	
4.	Băng dính màu vàng, xanh , đỏ			Cuộn	20	
5.	Bánh xe	R100 loại cố định		Cái	2	
6.	Bánh xe	R100 loại xoay		Cái	2	
7.	Bìa amiang	Bìa amiang chỉ lõi thép dày 5mm		m2	1	
8.	Bóng đèn	cao áp gián tiếp 400W 220V 50Hz		Cái	2	
9.	Bóng đèn led	Led 200W Điện áp đầu vào 220VAC; công suất 200W. Ánh sáng trắng 6500k	Rạng đông/VN (hoặc tương đương)	Cái	1	
10.	Bóng đèn trần	vuông ML203 12W 3000K (bóng đèn Molux)		Cái	4	
11.	Bóng đèn tuýp	60cm; 10W		Cái	6	
12.	Bông gốm	Bông gốm dạng cuộn 7200x610x25mm; hệ số cách nhiệt 1,6 (m2.K/W); nhiệt độ sử dụng 1260 độ C (0,11m3 = 1 cuộn)		Hộp	533	
13.	Bông khoáng	1200x600x50mm; Tỷ trọng 60Kg/m3 hệ số cách nhiệt : 1,5 (m2.K/W); chịu nhiệt lớn nhất 850 độ C (Bông bảo ôn-bông vàng)		m3	90	
14.	Bóng ốp trần	300/24w LN12N4		Cái	6	
15.	Bulong	Bulong M16x50		Bộ	1168	
16.	Bulong	Bulong M12x50		Bộ	1458	
17.	Bulong	M14x50		Bộ	530	
18.	Bulong	Bulong M16x60 ren suốt		Bộ	96	

STT	Tên vật tư	Quy cách – Thông số kỹ thuật	Hãng/ nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
19.	Cao su tấm	Cao su tấm dày 5mm		m2	20	
20.	Cáp nguồn	Thông số: 4x2,5mm		m	170	
21.	Cáp nguồn	3x6+1x10		m	60	
22.	Chấn lưu	220V-400W		Cái	2	
23.	Chì tấm	Chì tấm 1200x1200x1		tấm	2	
24.	Chổi quét sơn	5cm		Cái	10	
25.	Chốt cửa đứng	inox 30cm		Bộ	4	
26.	Chốt khoá cửa kiểu lật	(loại 4inch)		Cái	33	
27.	Cọc tiêu nhựa PVC (có hình ảnh kèm theo)	chiều cao H=70cm; kích thước đế 35x35cm; cân nặng 1,8kg		Cái	20	
28.	Cuộn dây căng an toàn			Cuộn	20	
29.	Cút nối	chữ T HDPE phi 63		Cái	2	
30.	Cút vuông	HDPE phi 63		Cái	2	
31.	Đai ốc M8	Đai ốc M8 vật liệu SUS304		Cái	1650	
32.	Đầu cos	Đầu cos dạng kim 1,5mm		Cái	50	
33.	Đầu nối ống ruột gà	kín nước D34, ren 2mm		Cái	90	
34.	Đầu nối ống ruột gà	kín nước D48, ren 2mm		Cái	12	
35.	Đầu nối ống ruột gà	mạ kẽm (Đầu bắt D19, bước ren 1,5mm; đầu bắt D40, bước ren 2mm)		Cái	100	
36.	Đầu nối ống ruột gà	mạ kẽm (Đầu bắt D40, bước ren 2mm; đầu bắt D32, bước ren 2mm)		Cái	50	
37.	Đầu nối ống ruột gà	mạ kẽm (Đầu bắt D32, bước ren 1,5mm; đầu bắt D32, bước ren 1.5mm)		Cái	50	
38.	Đầu nối ống ruột gà	mạ kẽm (Đầu bắt D20, bước ren 1,5mm; đầu bắt D30, bước ren 2mm)		Cái	50	
39.	Đầu nối ống ruột gà	mạ kẽm (Đầu bắt D56, bước ren 2mm; đầu bắt D56, bước ren 2mm)		Cái	50	
40.	Đầu nối ống ruột	mạ kẽm (Đầu bắt D24,		Cái	50	

STT	Tên vật tư	Quy cách – Thông số kỹ thuật	Hãng/ nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	gà	bước ren 1,5mm; đầu bắt D56, bước ren 2mm)				
41.	Đầu nối ống ruột gà	mạ kẽm (Đầu bắt D27, bước ren 2mm; đầu bắt D56, bước ren 2mm)		Cái	50	
42.	Đầu nối ống ruột gà	mạ kẽm (Đầu bắt D55, bước ren 2mm; đầu bắt D48, bước ren 2mm)		Cái	50	
43.	Đầu nối ống ruột gà	mạ kẽm (Đầu bắt D24, bước ren 1,5mm; đầu bắt D60, bước ren 2mm)		Cái	50	
44.	Đầu nối ống ruột gà	mạ kẽm (Đầu bắt D27, bước ren 1,5mm; đầu bắt D42, bước ren 2mm)		Cái	50	
45.	Đầu nối ống ruột gà	mạ kẽm (Đầu bắt D44, bước ren 2mm; đầu bắt D40, bước ren 2mm)		Cái	50	
46.	Đầu nối ống ruột gà	mạ kẽm (Đầu bắt D19, bước ren 1,5mm; đầu bắt D24, bước ren 1.5mm)		Cái	100	
47.	Dây cáp điện	Cadisun cáp treo CXV 2x6mm ²		m	150	
48.	Dây điện	2x4mm ²		m	20	
49.	Dây điện	2x0,75		m	50	
50.	Đui	E40 dạng chéo		Cái	7	
51.	Đui đèn	ly công nghiệp E27		Cái	2	
52.	Dây an toàn nửa người	Loại 2 móc treo		Cái	5	
53.	Dụng dịch kiểm tra thăm thấu	Dụng dịch kiểm tra thăm thấu (1 bộ=3 lọ)		Bộ	70	
54.	Giấy ráp mịn			Tờ	10	
55.	Giẻ lau	Giẻ lau công nghiệp		kg	5	
56.	Gioăng	Gioăng thép xoắn		Cái	3	

STT	Tên vật tư	Quy cách – Thông số kỹ thuật	Hãng/ nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
		453x395x390x330x4.5				
57.	Gioăng	Gioăng đồng đỏ, KT D13, d10, dây 2,5mm		Cái	6	
58.	Gioăng	Gioăng elip 580/530/573x11 (578/527)		Cái	2	
59.	Gioăng cao su	Gioăng cao su dây 3mm		m2	10	
60.	Gioăng Graphite	20x32x7 dạng mặt côn (1 bộ gồm 2 tết chì lõi inconel + 6 tết graphite		Bộ	1	
61.	Gioăng thép xoắn	Gioăng thép xoắn 90x110x4,5		Cái	3	
62.	Gioăng thép xoắn	Gioăng thép xoắn 106x128x4,5		Cái	6	
63.	Hộp xít	Hộp xít RP7		Hộp	12	
64.	Keo	Keo chịu nhiệt Birkosit nhiệt độ 970°C, áp lực 570bar		kg	9	
65.	Keo đỏ	650 độ F		lọ	47	
66.	Keo silicon	Keo silicon		Tuýp	154	
67.	Lá nhíp số 1,2,3	Kích thước bằng nhau: 90x1550x25; lỗ giữa phi 16		Cái	3	
68.	Long đen	Long đen phẳng M8		Cái	850	
69.	Máng đèn	đôi 1,2m (bao gồm cả bóng đèn tuýp led 1,2m)		Bộ	1	
70.	Máng nhựa luồn dây điện	có nắp 25x25mm		m	10	
71.	Máng nhựa luồn dây điện	có nắp 35x35mm		m	35	
72.	Máng nhựa luồn dây điện	có nắp 45x45mm		m	120	
73.	Máy siết bu lông	Makita DTW190JX3 dùng pin (12.7MM)(18V) gồm có Sạc nhanh, 2 pin 3.0 Ah, máy kèm thùng Makpac & bộ socket, Socket nối dài		Cái	5	
74.	Ổ cắm đôi	để nối Panasonic		Cái	1	

STT	Tên vật tư	Quy cách – Thông số kỹ thuật	Hãng/ nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
75.	Ổ điện nổi	gồm đế nổi, mặt, 1 hạt ổ cắm, 2 hạt công tắc		Bộ	1	
76.	Ống	HDPE phi 63		m	60	
77.	Ống nhựa mềm	Φ27		m	50	
78.	Ống ruột gà gân xoắn	phi 32/25		m	210	
79.	Ống ruột gà lõi thép	phi 24		m	120	
80.	Ống ruột gà lõi thép	phi 30		m	200	
81.	Ống ruột gà lõi thép	phi 44		m	200	
82.	Pa lăng xích kéo tay	1 tấn (5 mét) Nito		Cái	3	
83.	Que hàn	N46 Φ3,2		Kg	17	
84.	Que hàn N46	phi 2,5		Kg	3,5	
85.	Sàng rây	Đường kính sàng Ø200mm, khung sàng cao 60mm, vật liệu inox, bao gồm các mắt sàng: 10mm; 8mm; 6mm; 4mm; 2mm; 1,5mm; 1mm; 0.5mm; 2.25mm; 0,15mm; 0.1mm; đáy hứng và nắp đáy		Bộ	1	
86.	Sơn màu ghi			Kg	15	
87.	Sơn ngoài trời	màu ghi		lít	5	
88.	Sơn sắt	màu trắng		Lít	10	
89.	Sơn thép mạ kẽm	ZN màu trắng 2,7kg/Hộp		Hộp	2	
90.	Sơn xít	(ATM màu bạc A300; 400ml)		Hộp	1	
91.	Tên amiăng	Tên amiăng chì lõi thép 10x10		kg	6	
92.	Tết amiang	Tết amiang trắng 10x10		kg	25	
93.	Tết amiang	Tết amiang trắng 12x12		kg	25	
94.	Tết chì	Kích thước 58x82 (1 bộ gồm: 2 tết chì lõi inconel 58x82x10 + 8 tết graphite 58x82x10)		Bộ	1	

STT	Tên vật tư	Quy cách – Thông số kỹ thuật	Hãng/ nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
95.	Tết chì cối	Tết chì cối kích thước 20x32x6 (1 bộ gồm: 2 tết chì lõi inconel 20x32x6 + 8 tết graphite 20x32x6)		Bộ	3	
96.	Tết chì cối	Gioăng graphite 45x65x10, dạng mặt côn (1 bộ gồm 2 tết chì lõi inconel + 6 tết graphite)		Bộ	3	
97.	Tết mỡ	14x14		kg	24	
98.	Thanh ren	Thanh ren M8 Vật liệu SUS304		Cái	210	
99.	Tụ kích	CD-7H; 70-400W		Cái	2	
100.	Túi lọc bụi	Túi lọc bụi Φ128x2000		Cái	264	
101.	Vải phin trắng			kg	1	
102.	Van cầu	HDPE phi 63		Cái	2	
103.	Vít bắn tôn	Vít bắn tôn M4x30		Túi	93	
104.	Vít bắn tôn	M3x30 (Túi 200 cái)		Túi	1	
105.	Vít nở sắt	M20x100		Bộ	40	
106.	Xà phòng bột	Xà phòng bột		kg	80	

Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của Hồ sơ chào giá rút gọn

(Đính kèm Thư mời chào giá số 548 /NĐCP-KHĐT VT ngày 28 / 06 /2024

STT	Các tiêu chí đánh giá			Ghi chú
	Nội dung	Yêu cầu	Kết luận	
1	Tên vật tư, quy cách	Đáp ứng đúng quy cách, ký mã hiệu, đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật, Trong trường hợp nhà thầu đề xuất hàng tương đương phải có giấy xác nhận hàng hóa tương đương của nhà sản xuất (ghi đầy đủ hãng/nước sản xuất)	Đạt	
		Không đáp ứng đúng quy cách, ký mã hiệu, không đúng yêu cầu kỹ thuật, Không có giấy xác nhận hàng hóa tương đương của nhà sản xuất. không ghi đầy đủ hãng/nước sản xuất.	Không đạt	
2	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Bản sao được chứng thực	Đạt	
		Bản photocopy không có chứng thực	Không đạt	
3	Thư chào hàng và biểu giá chào hàng	- Do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký - Chào giá toàn bộ đơn hàng theo thư mời	Đạt	
		Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt	
4	Hiệu lực của Bản chào giá	≥ 30 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá	Đạt	
		Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt	
5	Thời gian thanh toán	- Thanh toán trong vòng 30 ngày sau khi bên B bàn giao đầy đủ hàng hóa, đạt yêu cầu kỹ thuật và có đủ chứng từ thanh toán cho bên A; Hoặc theo hợp đồng được thỏa thuận và ký kết giữa hai bên - Không tạm ứng hợp đồng	Đạt	
		Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt	
6	Thời gian giao hàng (tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Mục số 64 giao hàng trong vòng 40 ngày các mục còn lại giao hàng trong vòng 20 ngày	Đạt	
		Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt	
7	Thời gian bảo hành (Tính từ ngày kiểm nghiệm hàng hóa)	≥ Mục số 64,73,82,85 bảo hành 06 tháng	Đạt	
		Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt	
8	Địa điểm giao hàng	Tại kho vật tư bên mua	Đạt	
		Không giao hàng tại kho bên mua	Không đạt	
9	Chứng từ thanh toán kèm theo	- Cung cấp CO,CQ cho mục số 12,13,64 (hàng hóa nhập khẩu) CQ đối với hàng trong nước; Giấy chứng nhận chất lượng của hàng hóa sản xuất tại Việt Nam - Tài liệu kỹ thuật hàng tương đương/ thay thế nếu chào giá bằng hàng tương đương/ thay thế	Đạt	
		Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt	

BIỂU MẪU BẢN CHÀO GIÁ BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

Ngày: (Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng)
 Tên đơn hàng: (Ghi tên đơn hàng theo Thư mời chào giá)
 Số hiệu đơn hàng: (Ghi số hiệu đơn hàng theo Thư mời chào giá)

Số TT (Theo thư mời)	Tên vật tư, hàng hóa	Quý cách – Thông số kỹ thuật		Đơn vị tính	Hãng/ nước sản xuất		Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền trước thuế (VNĐ)	Thuế GTGT (VNĐ)		Thành tiền sau thuế (VNĐ)
		Theo thư mời	Chào giá		Theo thư mời	Chào giá (ghi đầy đủ hãng/ nước sản xuất)				8%	10%	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Hàng hóa thứ nhất.											
2	Hàng hóa thứ nhất.											
n	Hàng hóa thứ n											
Tổng giá trị												

1. Giao hàng:

- a) Thời gian giao hàng:
- b) Địa điểm giao hàng:
- c) Phương án cung cấp, vận chuyển hàng hóa

2. Thanh toán:

3. Hàng hóa

- Chất lượng: Hàng hóa phải mới 100%, chưa qua sử dụng, đúng quy cách, ký mã hiệu, đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật.
- Các giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng sản phẩm khi giao hàng: (Nhà cung cấp ghi rõ tên các loại giấy tờ).

4. Bảo hành (nếu có):

5. Hiệu lực báo giá :

6. Hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàng (nếu có):

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
 (Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

(Ghi chú: ở cột số (9); (10): Nhà cung cấp ghi giá trị thuế GTGT ở cột áp dụng thuế suất GTGT tương ứng với hàng hóa)